

Số: 19 /2013/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi một số nội dung quy định tại các Quyết định của UBND tỉnh Khánh Hòa về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thông qua ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 416/TTr-STNMT – GĐBTTĐC ngày 12 tháng 9 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh hệ số hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm quy định tại Khoản 11 Điều 2 Quyết định 10/2011/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số Điều tại Quyết định 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh và sửa đổi Phụ lục 8 tại bảng Quy định như sau:

Điều chỉnh hệ số chuyển đổi nghề nghiệp từ 1,5 đến 4 lần thành từ 2 đến 5 lần và điều chỉnh phụ lục 8 (về hệ số chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm tại các địa bàn các huyện, thị xã, thành phố) như phụ lục đính kèm.

Điều 2. Sửa đổi Khoản 5 Điều 2 Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quy định kèm theo Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND; Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND như sau:

“5. Sửa đổi Khoản 21 Điều 2 Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND về sửa đổi Khoản 8, Điều 60 Quy định kèm theo Quyết định 101/2009/QĐ-UBND, như sau:

8. Trường hợp tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện thông báo nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đến tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo kế hoạch chi trả, nhưng hết thời hạn chi trả theo kế hoạch mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không đến nhận tiền thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gửi khoản tiền này vào Ngân hàng thương mại Cổ phần có vốn sở hữu nhà nước. Khi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đồng ý nhận thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có trách nhiệm rút tiền bao gồm gốc đã gửi và khoản tiền lãi phát sinh về để chi trả theo quy định.”

Điều 3. Xử lý chuyển tiếp: Các phương án bồi thường, hỗ trợ đã được chi trả hoặc đã tổ chức chi trả thì không điều chỉnh theo quy định tại quyết định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký; những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
 - TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Đài PT-TH, Báo Khánh Hòa;
 - Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- ✓ Lưu: VT, CVNCTH.
8c

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Handwritten signature)

Lê Đức Vinh

**HỆ SỐ ÁP DỤNG TÍNH HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ NGHIỆP VÀ TẠO VIỆC LÀM
QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM a KHOẢN 1 ĐIỀU 35 BẢN QUY ĐỊNH**

(kèm theo Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 01/10/2013)

STT	Huyện, thị, thành phố	Hệ số
1	Thành phố Nha Trang	
	Vĩnh Hiệp, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thái	5.0
	Phước Đồng, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trung, Vĩnh Lương	4.5
	Vĩnh Phương	4.0
2	Thành phố Cam Ranh	
	Các xã đồng bằng	
	Cam Thành Nam, Cam Thịnh Đông, Cam Phước Đông và thôn Nước Ngọt (xã Cam Lập)	2.8
	Các xã và thôn miền núi	
	Cam Bình, Cam Thịnh Tây và thôn Bình Lập (xã Cam Lập)	2.2
3	Huyện Cam Lâm	
	Các xã đồng bằng	
	Thị trấn Cam Đức (đô thị loại 5)	3.0
	Suối Tân (đô thị loại 5)	2.8
	Cam Hiệp Nam, Cam Hiệp Bắc, Cam An Nam, Cam An Bắc, Cam Phước Tây	2.5
	Cam Tân, Cam Hoà, Suối Cát, Cam Thành Bắc	2.8
	Cam Hải Đông, Cam Hải Tây	3.0
	Các xã và thôn miền núi	
	Xã Sơn Tân, Thôn Văn Sơn (xã Cam Phước Tây), Thôn Suối Lau 1, thôn Suối Lau 2 và Suối Lau 3 (xã Suối Cát)	2.2
4	Huyện Diên Khánh	
	Thị trấn Diên Khánh (đô thị loại 4)	3.5
	Các xã đồng bằng	
	Diên An, Diên Toàn, Diên Thạnh, Diên Phú	3.0
	Diên Điền, Diên Lạc, Diên Phước, Diên Sơn, Diên Thọ, Diên Hòa	2.8
	Suối Hiệp (đô thị loại 5)	2.8
	Diên Bình, Diên Lâm, Diên Lộc	2.5
	Diên Đồng, Diên Tân, Diên Xuân, Suối Tiên	2.0
	Các thôn miền núi	
	Thôn Đá Mài (xã Diên Tân) và Lỗ Gia (xã Suối Tiên)	2.2
5	Thị xã Ninh Hòa	
	Các xã đồng bằng	
	Ninh Bình, Ninh Phụng, Ninh An, Ninh Thọ, Ninh Quang	2.6
	Ninh Sim (đô thị loại 5)	2.8
	Ninh Phước	2.5



STT	Huyện, thị, thành phố	Hệ số
	Ninh Ích, Ninh Xuân	2.5
	Ninh Lộc, Ninh Phú	2.5
	Ninh Iung, Ninh Thân, Ninh Trung, Ninh Đông	2.5
	<i>Các xã miền núi</i>	
	Ninh Sơn, Ninh Tây, Ninh Tân, Ninh Thượng, Ninh Vân	2.2
6	Huyện Khánh Sơn	
	Thị trấn Tô Hạp (đô thị loại 5)	2.8
	Ba Cạm Bắc, Sơn Trung, Sơn Hiệp	2.2
	Ba Cạm Nam, Thành Sơn, Sơn Lâm, Sơn Bình	2.0
7	Huyện Khánh Vĩnh	
	Thị trấn Khánh Vĩnh (đô thị loại 5)	2.8
	Khánh Bình, Sông Cầu	2.2
	Khánh Trung, Khánh Đông	2.0
	Liên Sang	2.0
	Khánh Nam, Khánh Phú Sơn Thái	2.0
	Câu Bà, Giang Ly	2.0
	Khánh Hiệp, Khánh Thượng, Khánh Thành	2.0
8	Huyện Vạn Ninh	
	Thị trấn Vạn Giã (ĐT loại 4)	3.5
	<i>Các xã đồng bằng</i>	
	Đại Lãnh (đô thị loại 5), Vạn Thọ	2.8
	Vạn Bình, Vạn Lương, Vạn Phú, Vạn Thắng, Vạn Khánh, Vạn Long, Vạn Phước	2.7
	Vạn Hưng	2.5
	Thôn Đầm Môn, thôn Vĩnh Yên (xã Vạn Thạnh)	2.4
	<i>Các xã miền núi</i>	
	Xuân Sơn, Vạn Thạnh (trừ Thôn Đầm Môn, thôn Vĩnh Yên)	2.2

